CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Kính Đáp Cầu

Ngày 31/12/2025	5,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	36.6%	**33.3%**	**30.2%**

DT thuần
Q4/25
11.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.45| 26.4%
YoY: ▲ 1.79| 18.0%

LN thuần
Q4/25
1.85
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.60| 347%
YoY: ▲ 5.59| 150%

LN sau thuế
Q4/25
1.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.51| 222%
YoY: ▲ 6.77| 126%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-9.4%
YoY: +/-▲ 28.4%

ROE
2025
62.5%
YoY: +/-▲ 388%

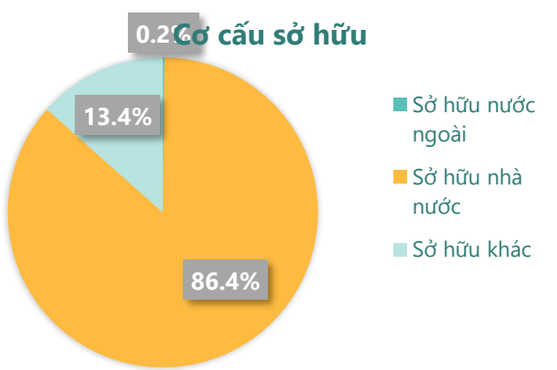
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,800 - 6,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	168
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	535
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.94)
EPS	-109
P/E	-51.3

DT thuần
2025
43.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.90| -6.3%

LN thuần
2025
-1.50
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.8| 88.7%

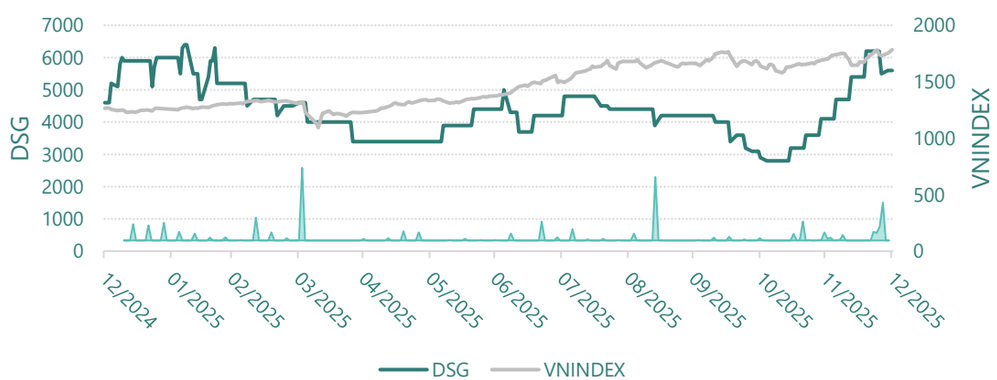
LN sau thuế
2025
-3.28
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 15.3| 82.4%

Cơ cấu sở hữu

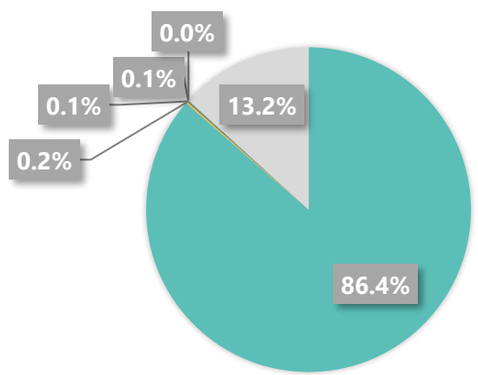


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



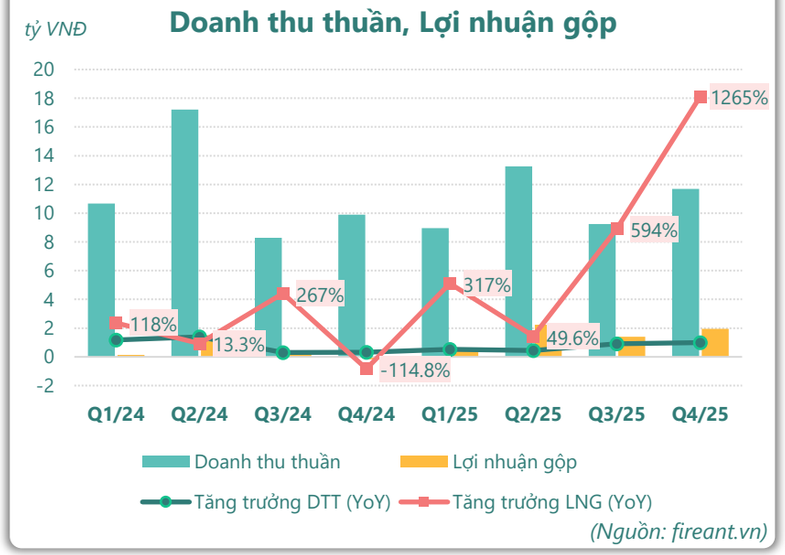
Cơ cấu cổ đông

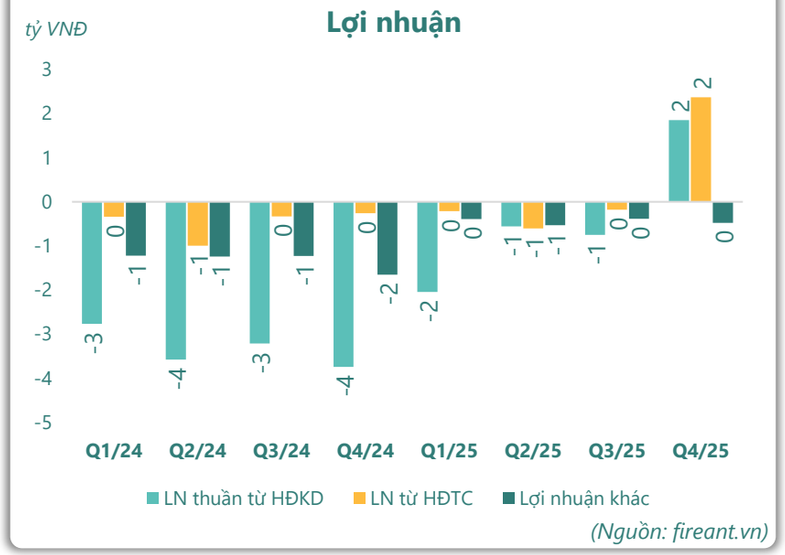


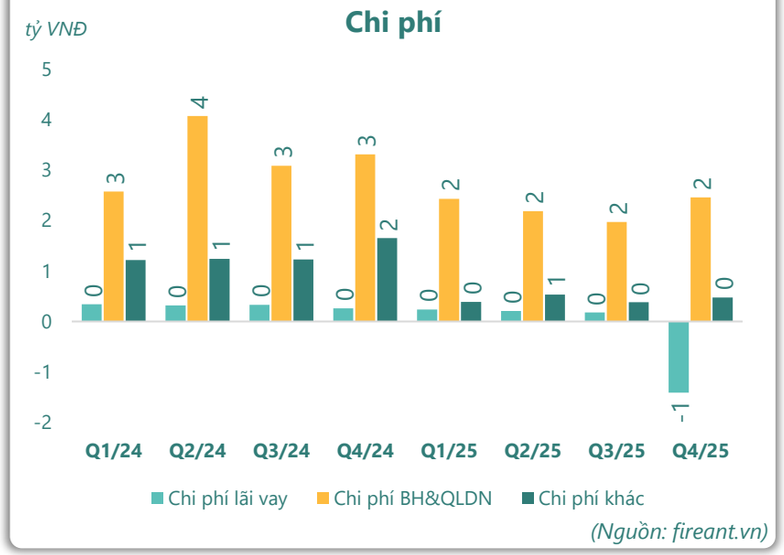
- Tổng Công ty Viglacera - CTCP
- Huang Guojiang
- Hạ Bá Phong
- Giáp Văn Bích
- Đỗ Duy Sơn
- Khác

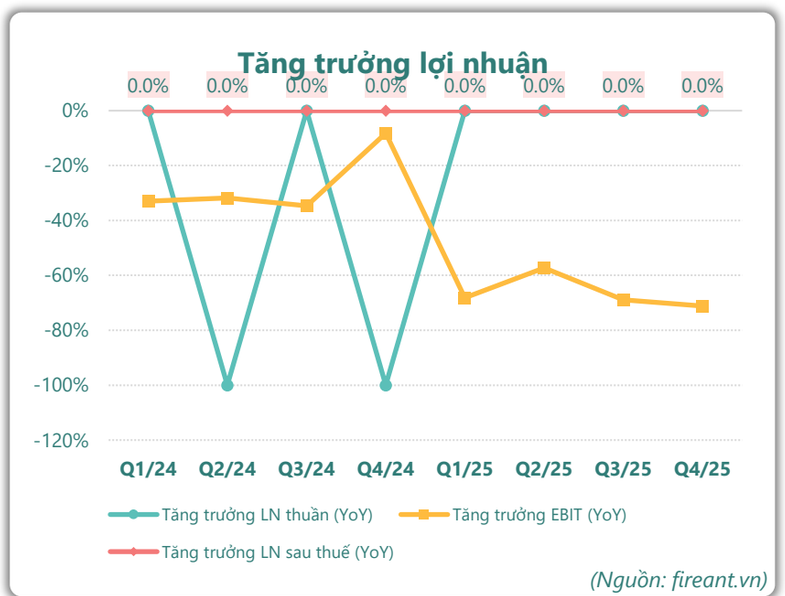
(Nguồn: fireant.vn)

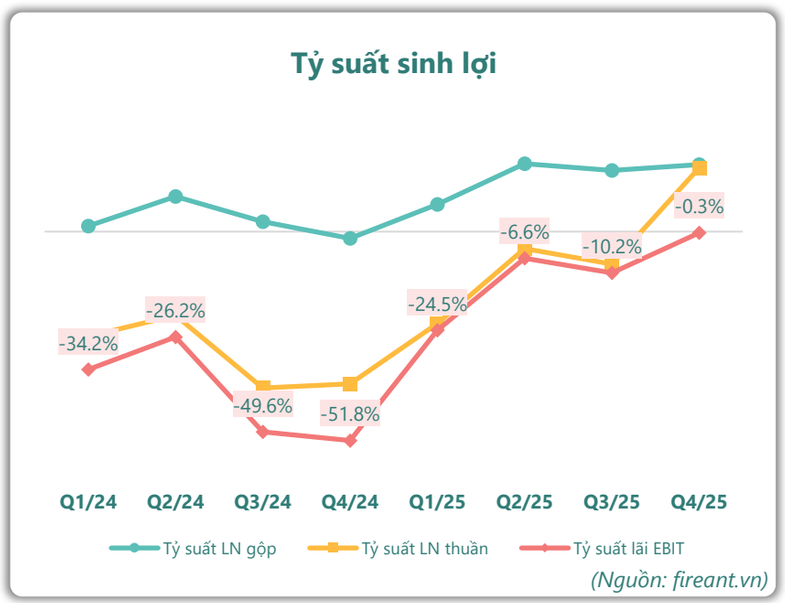
KẾT QUẢ KINH DOANH

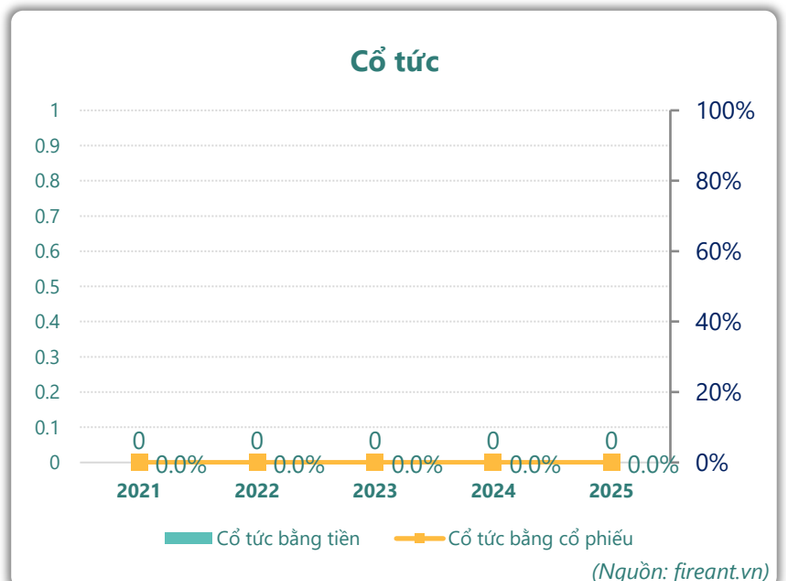






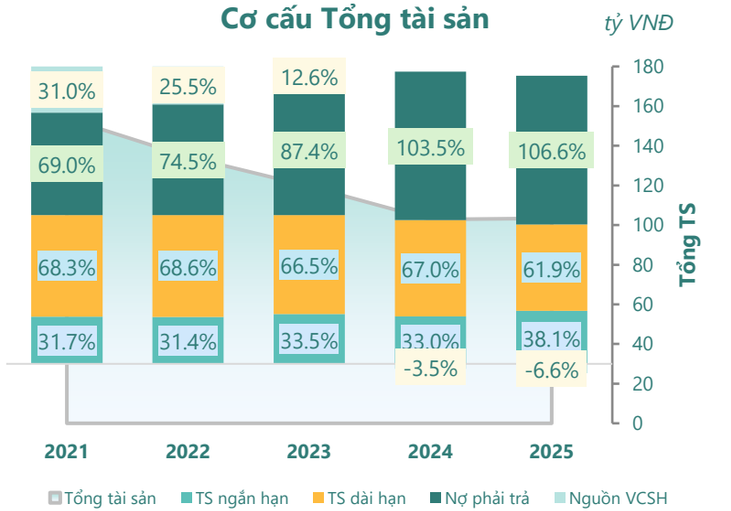






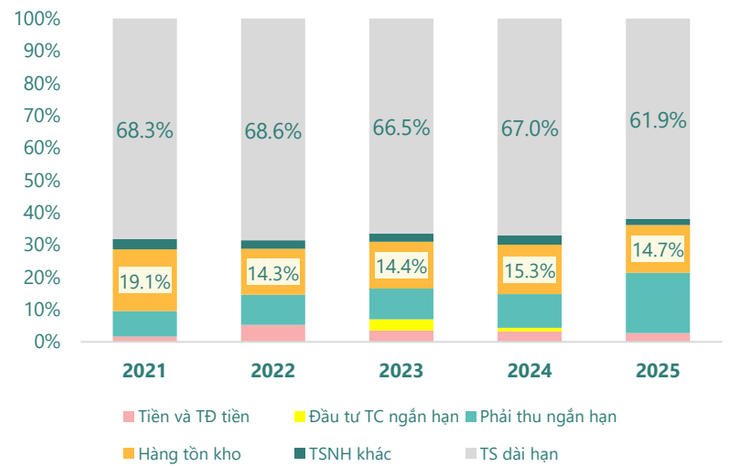
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



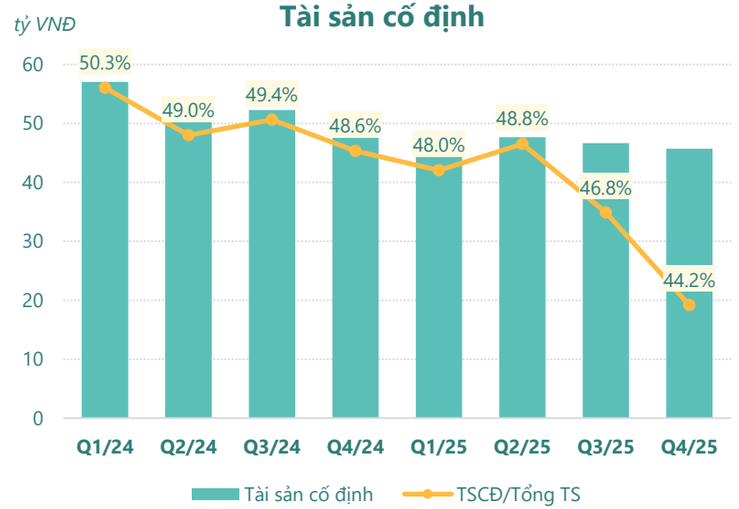
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



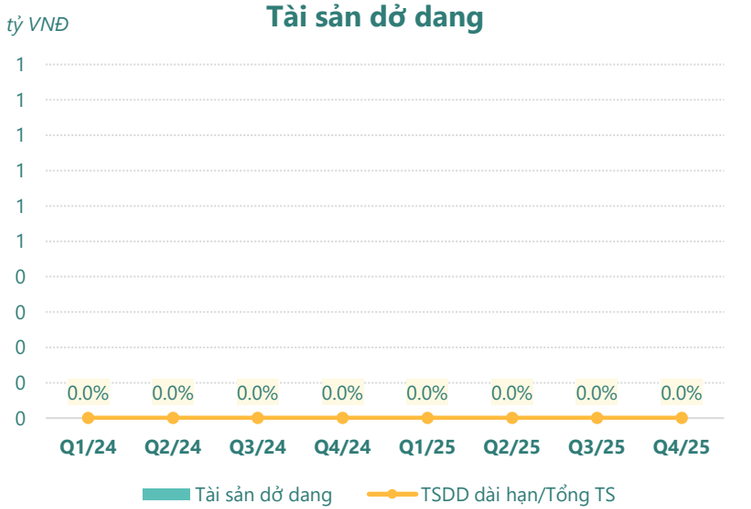
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



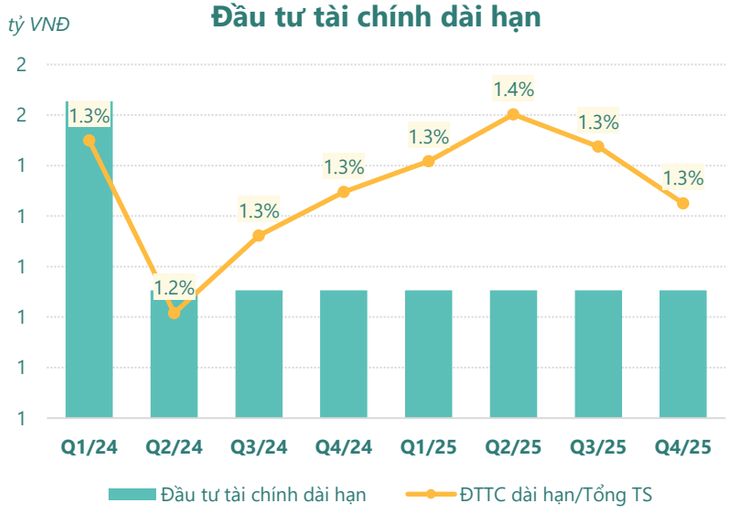
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



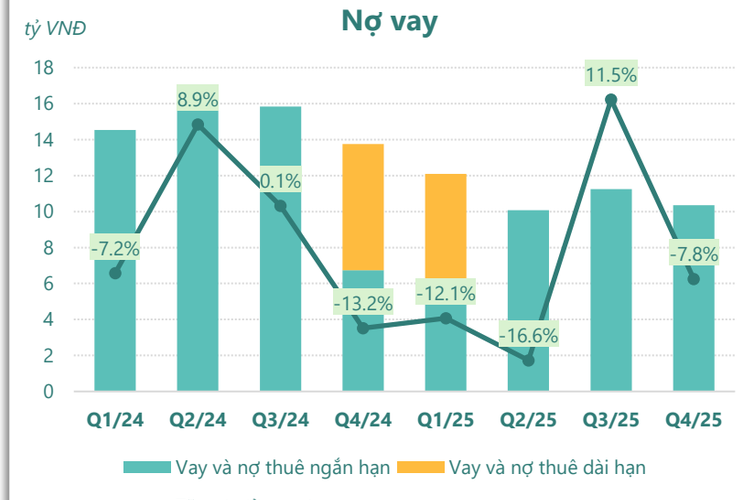
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

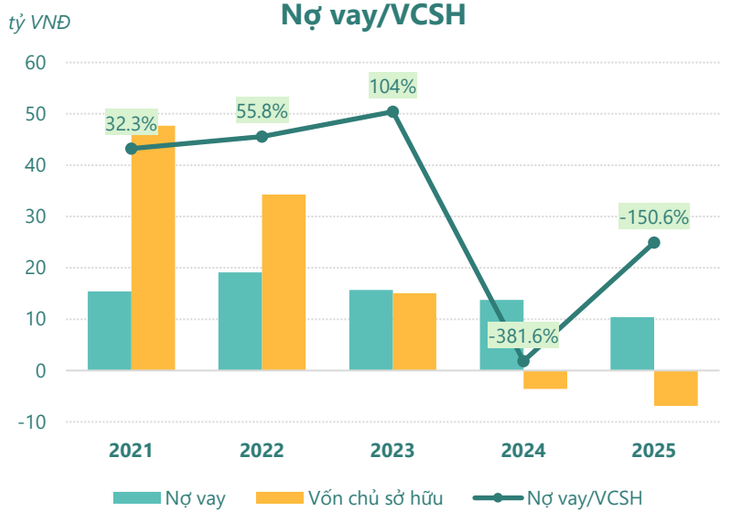
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

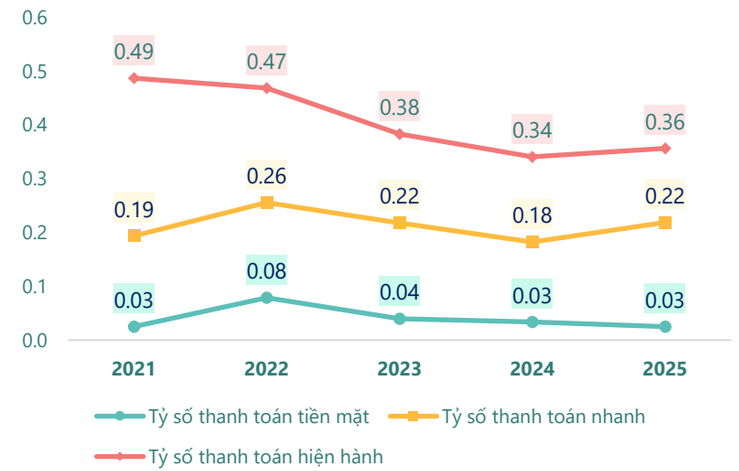
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



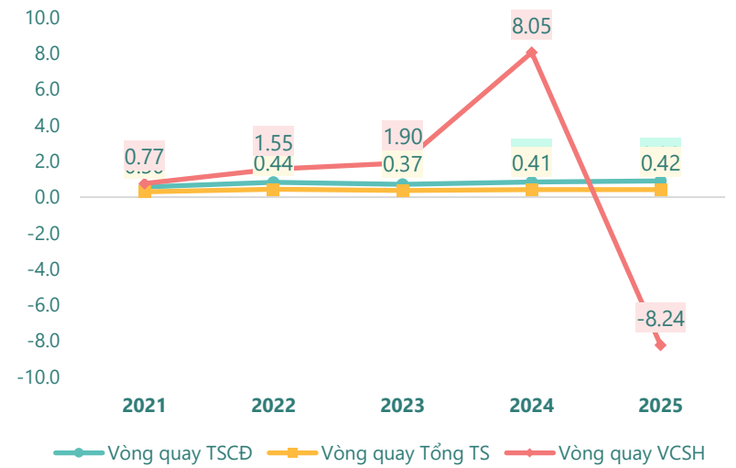
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



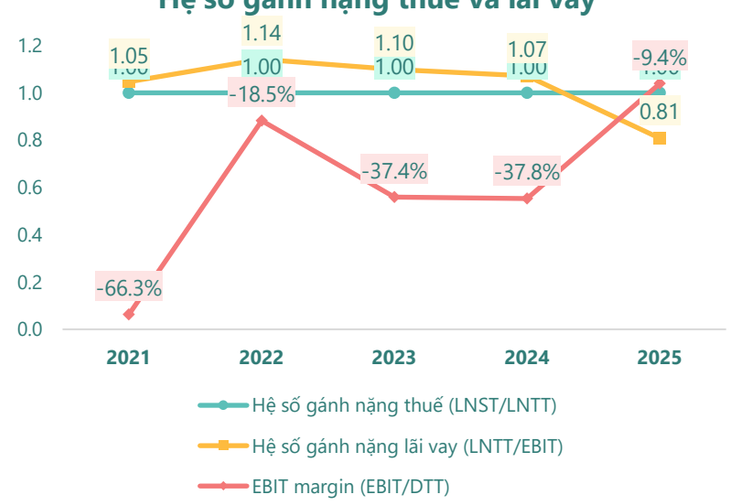
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



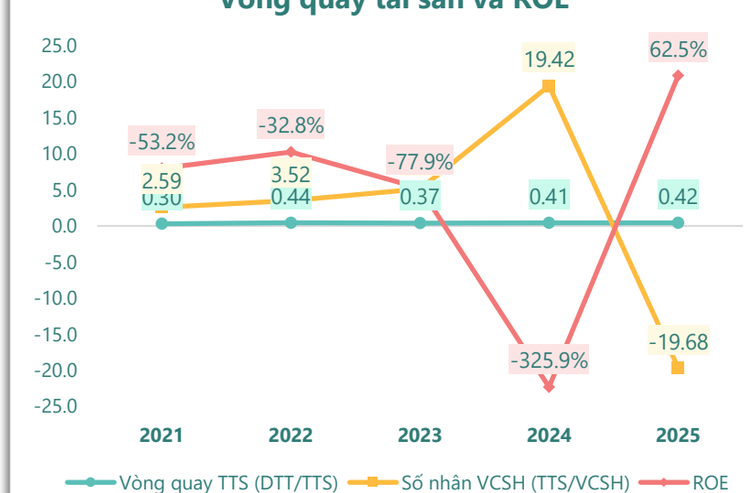
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



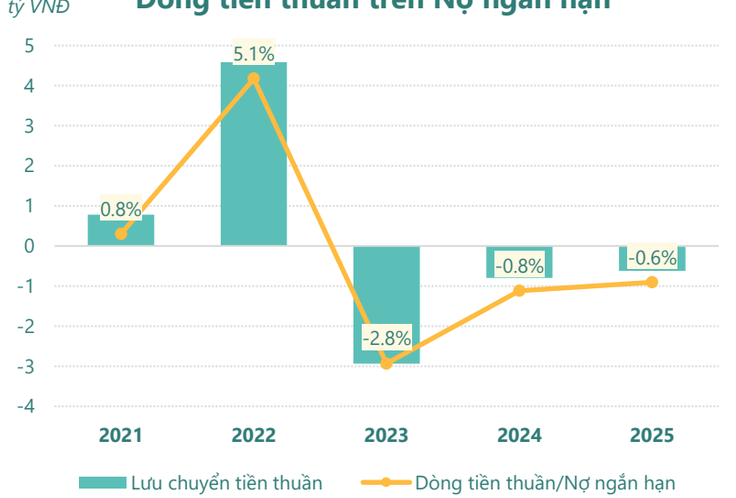
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**11.7**	**9.91**	**18.0%**	**43.2**	**46.1**	**-6.3%**
Giá vốn hàng bán	9.75	10.1	-3.5%	37.0	44.4	-16.7%
Lợi nhuận gộp	1.94	-0.17	1242%	6.19	1.67	270%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.04	-98.0%	0.03	0.11	-76.7%
Chi phí TC	-2.37	0.30	-890%	-1.34	2.04	-166%
Chi phí lãi vay	-1.41	0.26	-643%	-0.78	1.25	-162%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.80	1.26	-36.2%	3.09	4.24	-27.2%
Chi phí QLDN	**1.66**	**2.06**	**-19.6%**	**5.97**	**8.81**	**-32.3%**
LN thuần từ HĐKD	1.85	-3.74	150%	-1.50	-13.3	88.7%
Lợi nhuận khác	**-0.48**	**-1.65**	**71.1%**	**-1.78**	**-5.34**	**66.7%**
LN trước thuế	1.38	-5.39	126%	-3.28	-18.6	82.4%
Lợi nhuận sau thuế	**1.38**	**-5.39**	**126%**	**-3.28**	**-18.6**	**82.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.38**	**-5.39**	**126%**	**-3.28**	**-18.6**	**82.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.74	2.25	-1.17	0.86	-0.61	1.85
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.10	2.71	-1.87	0.00	1.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.01	-2.08	-1.66	-2.01	1.16	-0.88
Tiền đầu kỳ	3.25	1.52	3.38	3.27	0.25	0.80
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.73**	**0.27**	**-0.12**	**-3.02**	**0.55**	**1.97**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	1.52	1.79	3.27	0.25	0.80	2.76

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**103**	**103**	**0.6%**
Tài sản ngắn hạn	39.4	33.9	16.2%
Tiền và tương đương tiền	2.76	3.38	-18.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.08	-100%
Phải thu ngắn hạn	19.4	10.7	81.7%
Hàng tồn kho	15.2	15.7	-3.4%
Tài sản ngắn hạn khác	2.01	3.01	-33.1%
Tài sản dài hạn	**64.1**	**68.9**	**-7.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	45.7	49.9	-8.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.33	1.33	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**17.0**	**17.8**	**-4.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	110	106	3.7%
Nợ ngắn hạn	**110**	**99.4**	**11.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.4	6.75	53.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	72.3	64.2	12.7%
Nợ dài hạn	0	7.00	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	7.00	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-6.88**	**-3.60**	**-91.0%**
Vốn chủ sở hữu	**-6.88**	**-3.60**	**-91.0%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)